TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-PT
Ngày 03 - 6 -2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và ông Nguyễn Văn Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2024/QĐ-PT ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Chòm 2, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn - chị Nguyễn Thị C đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 02/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai - nguyên đơn - anh Võ Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị C tìm hiểu và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23/7/2007 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là phường Q, thị xã B), tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống chung được một năm thì anh đi nước ngoài làm ăn, chị C chuyển về ngoại sinh sống và không qua lại nhà nội. Năm 2020 anh gửi tiền về để chị C mua xe nhằm có phương tiện đưa con sang nội nhưng chị C không thực hiện, khi bố anh qua đời chị C cũng không cho con đến chịu tang dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh chị sống ly thân từ khi anh đi xuất khẩu lao động cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể khắc phục nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị C.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Võ Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2008. Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị C tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:

Chị nhất trí như ý kiến trình bày của anh L về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị C cho rằng, không phải do chị mà là do phía anh L và gia đình anh L. Sau khi sinh con được 3 tháng, chị đưa con về nhà chồng sinh sống nhưng bị bố mẹ chồng hắt hủi, ngược đãi, anh L thì chỉ gọi về cho chị được vài lần rồi cắt liên lạc với chị. Do không sống với bố mẹ chồng được, lại thiếu sự quan tâm động viên của anh L nên chị buộc phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Chị không nhất trí với trình bày của anh L về việc không cho con về thăm ông bà nội, mà chị vẫn thường xuyên cho con ra thăm ông bà, nhất là sau khi anh L gửi tiền để bố anh L mua xe máy cho chị. Khi bố anh L mất thì anh L và gia đình không báo cho chị nên chị không biết, tuy nhiên, sau khi biết thì cả chị và con đều ra chịu tang. Thời điểm này anh L đã có người phụ nữ khác cũng ở trong làng nên chị nghĩ gia đình không báo cho chị biết vì ngại khi chị gặp người này thì khó xử. Chị C xác định vợ chồng sống ly thân đã 15 năm nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng cải thiện nên chị nhất trí ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung là Võ Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2008 như anh L trình bày. Chị nuôi dưỡng con từ nhỏ cho đến nay nên chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Ngoài ra, từ lúc anh L đi xuất khẩu lao động sau đó về nước và đi làm ăn cho đến nay, anh L chỉ đưa cho chị 2 lần được 7.000.000 đồng, trong đó 1 lần anh đưa trực tiếp 2.000.000 đồng, 1 lần gửi về cho chị 5.000.000 đồng. Một mình chị nuôi con từ lúc mới sinh ra cho đến nay, anh L không hỏi thăm, không gửi tiền về để nuôi con ăn học. Vì vậy, chị C yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ làm cha đối với con, phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 15 năm nay tương ứng với số tiền 180.000.000 đồng. Nếu anh L chỉ đồng ý hỗ trợ sau ly hôn cho mẹ con chị 30.000.000 đồng thì chị không chấp nhận vì không tương xứng với công sức, sự hy sinh mà chị đã chịu trong thời gian qua.

Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 115 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Xét xử vắng mặt anh Võ Văn L.

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Võ Văn L và chị Nguyễn Thị C.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Võ Văn L được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc anh Võ Văn L phải cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000 đồng sau khi ly hôn.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 17/3/2024, chị Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo và sau đó, ngày 20/3/2024 kháng cáo bổ sung, với các nội dung: Huỷ bản án sơ thẩm số 02/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình do không có Viện kiểm sát tham gia và xác định sai tên đệm của anh L. Xác định lại thu nhập của anh L khi đi xuất khẩu lao động 01 tháng 20.000.000 đồng trừ tiền ăn 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng x 15 năm = 2.700.000.000 đồng. Công chị nuôi con nên số tiền 2.700.000.000 đồng : 2 = 1.350.000.000 đồng; một xe ô tô con trị giá 300.000.000 : 2 = 150.000.000 đồng; tiền nuôi con trong thời gian 15 năm mỗi tháng 2.000.000 đồng x 180 tháng = 360.000.000 đồng; tiền nuôi con sau ly hôn 3.000.000/tháng x 36 tháng = 108.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến chị C: Giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Võ Văn L phải thực hiện các nghĩa vụ mà chị yêu cầu.

- Ý kiến anh L: Không nhất trí với kháng cáo của chị C, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

- Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - chị Nguyễn Thị C về các nội dung sau: Huỷ Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 02/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024; buộc anh Võ Văn L phải bồi thường tổn thất với số tiền 100.000.000 đồng; nâng mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn lên mức mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Đối với việc chia tài sản chung là chiếc xe ô tô và khoản tiền công của anh Võ Văn L 15 năm qua không xem xét giải quyết do ở cấp sơ thẩm chị C không yêu cầu. Nếu có căn cứ thì chị C có quyền khởi kiện bằng vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: sửa án sơ về phần cấp dưỡng tiền nuôi con trong thời gian kể từ khi chị C sinh con

Võ Nguyễn Gia B (tháng 11/2008) cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 3/2024 với số tiền là mỗi tháng 1.000.000 x 183 tháng = 183.000.000 đồng.

Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Do hai bên không thống nhất phương thức đóng góp cấp dưỡng nuôi con một lần nên chỉ buộc anh L đóng góp nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, thành phần người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị C là hợp lệ, trong hạn luật định nên được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị C:

[2.1]. Đối với việc Kiểm sát viên không tham gia phiên toà sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự: *"Viện kiểm sát tham gia các phiên họp sơ thẩm đối với các vụ việc dân sự; phiên toà sơ thẩm đối với những vụ án do Toà án tiến hành thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Bộ luật này"*. Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Võ Văn L và ý kiến của chị Nguyễn Thị C về yêu cầu giải quyết trong vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vụ án không thuộc trường hợp phải có Kiểm sát viên tham gia phiên toà theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về việc xác định tên đệm của anh Võ Văn L: Tên đệm của anh L có sự khác nhau, trong căn cước công dân là Võ Văn L còn trong Giấy chứng nhận kết hôn là Võ Đức L. Tuy nhiên, tại Đơn xin xác nhận ngày 07/7/2023 của anh Võ Văn L, Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã xác nhận hai tên Võ Đức L, sinh ngày 22/9/1978 và Võ Văn L, sinh ngày 22/9/1978 là một người. Căn cước công dân của anh L được cấp ngày 09/07/2022 tên là Võ Văn L; tại phiên toà, chị C cũng xác nhận nguyên đơn Võ Văn L trong vụ án là người đã đăng ký kết hôn và hiện đang ly hôn với chị. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định anh Võ Văn L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn với chị Nguyễn Thị C là đúng thực tế.

Từ nhận định tại các mục [2.1] và [2.2] Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị C về việc huỷ Bản án sơ thẩm.

[2.3]. Đối với yêu cầu anh Võ Văn L phải chịu khoản tiền cấp dưỡng nuôi nuôi con kể từ khi con sinh ra cho đến khi Toà án xét xử ly hôn và tiền cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn:

Về tiền cấp dưỡng nuôi con trước khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn được một năm thì anh L đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị C gần

sinh con nên về ngoại sinh sống. Sau khi sinh con được 3 tháng thì chị C và con về sống chung với bố mẹ anh L, nhưng được khoảng 2 tháng thì chị C phải đưa con về sống với bố mẹ đẻ của chị. Kể từ đó vợ chồng mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau, chị nuôi con một mình, anh L chỉ gửi cho chị được hai lần với tổng số tiền 7.000.000 đồng và gửi tiền về cho bố mẹ anh L mua cho chị C 01 chiếc xe máy trị giá 20.000.000 đồng. Sau đó, anh L không có trách nhiệm cũng như không chu cấp tiền nuôi con cho đến nay. Mặc dù anh L với chị C không sống chung với nhau do ly thân đã 15 năm nay, tuy nhiên, anh chị vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với nhau và đối với con chung. Con chung của anh chị là Võ Nguyễn Gia B từ nhỏ sống cùng chị C, được chị C chăm sóc nuôi dưỡng, hoàn cảnh chị C cũng khó khăn, hiện sống chung với bố mẹ đẻ của chị C mà không có khả năng tạo lập được chỗ ở riêng của hai mẹ con. Ngày 27/5/2024, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình có Thông báo số: 2085/TB-TA yêu cầu anh L cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc anh có gửi tiền về cho chị C để nuôi con trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động nước ngoài và thời gian vợ chồng sống ly thân. Trước khi mở phiên toà, anh L có cung cấp 01 bản sao thông báo chuyển tiền thành công cho chị C vào năm 2022. Ngoài ra, anh L không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào chứng minh anh vẫn đóng góp nuôi con cùng chị C trước đây. Như vậy, việc chị C trình bày anh L không có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con trước khi ly hôn là có căn cứ. Theo quy định tại Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Như vậy, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên là của cả cha mẹ và không phục thuộc vào thời điểm trước hay sau ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu này của chị C, buộc anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị C trong thời gian kể từ khi con chung của anh chị sinh ra cho đến lúc xét xử sơ thẩm (tháng 3/2024). Mức cấp dưỡng nuôi con trước khi ly hôn theo chị C yêu cầu mỗi tháng 2.000.000 đồng, nhưng qua xem xét thấy cần chấp nhận mức mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp. Tổng số tiền anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con trước khi ly hôn cùng chị C được tính như sau: Con chung của anh chị sinh ngày 16/11/2008 tính đến thời điểm xét xử Tháng 3/2024 là 15 năm 04 tháng. Tổng số tiền sẽ là 1.000.000 đồng x 184 tháng = 184.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Với điều kiện hoàn cảnh thực tế tại địa phương thời điểm hiện tại thì mức đóng góp nuôi con của anh L như Toà án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Ngoài anh L thì còn phần trách nhiệm của chị C đối với con nữa. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc nâng mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000 đồng/tháng lên mức 3.000.000 đồng/tháng mà giữ nguyên án sơ thẩm, buộc anh L đóng góp nuôi còn cùng chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng. Do hai bên không thoả thuận về phương thức cấp dưỡng nuôi con một lần, vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc buộc anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của 03 năm sau khi ly hôn.

[2.4].Về yêu cầu bù đắp tổn thất tinh thần: Xét về thực tế chị C là phụ nữ chịu nhiều thiệt thòi hơn anh L. Tuy nhiên, pháp luật hôn nhân gia đình quy định hôn nhân là tự do, tự nguyện nên không có cơ sở để xem xét yêu cầu đòi bồi thường tổn thất tinh thần cho chị.

[2.5]. Về yêu cầu xác định lại thu nhập của anh L khi đi xuất khẩu lao động 01 tháng 20.000.000 đồng trừ tiền ăn 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng x 15 năm = 2.700.000.000 đồng. Công chị nuôi con nên số tiền 2.700.000.000 đồng : 2 = 1.350.000.000 đồng; một xe ô tô con trị giá 300.000.000: 2 = 150.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm anh L và chị C đều yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, tại cấp phúc thẩm chị C yêu cầu xác định tài sản chung của vợ chồng là vượt quá phạm vi yêu cầu giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét. Trường hợp chị C muốn giải quyết thì làm đơn yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác về việc chia tài sản sau ly hôn.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Nguyễn Thị C không chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị C, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2024/HNGĐ-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 71, 81, 82, 83, 115 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Võ Văn L và chị Nguyễn Thị C.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Nguyễn Gia B, sinh ngày 16/11/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn L phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị C mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Võ Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Buộc anh Võ Văn L cấp dưỡng tiền nuôi con trong thời gian kể từ khi con sinh ra cho đến tháng 3/2024 cho chị Nguyễn Thị C với số tiền 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Buộc anh Võ Văn L phải cấp dưỡng sau khi ly hôn cho chị Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Về tài sản chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Anh Võ Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003639 ngày

16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B tỉnh Quảng Bình. Anh L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003307 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THA thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày …… tháng ……năm 2024

Tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dương; Bà Từ Thị Hải Dương

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 05/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25/4/2024 về việc " ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Anh Võ Văn L, sinh năm 1978; trú tại: chòm 2, thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình……..mặt

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1978; trú tại: tổ dân phố 6, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.....mặt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Lê Thị Anh Đức, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 89/2021/HNGĐ-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Biểu quyết 3/3

Căn cứ các Điều 28, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 28, 29, 33, 38, 39, 51, 56, 81, 83, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Anh Đức được ly hôn anh Cao Quốc Tuấn.

- Về con chung: Xử giao cho anh Cao Quốc Tuấn được nuôi dưỡng cháu Cao Lê Cẩm Tú, sinh ngày 06/4/2016, buộc chị Lê Thị Anh Đức có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tú tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 11/2021. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các bên đương sự xác định số tiền là tài sản chung của vợ chồng còn lại là 220.000.000 đồng, chia đôi mỗi người 110.000.000 đồng. Chị Lê Thị Anh Đức có nghĩa vụ trả lại số tài sản chung chị Lê Thị Anh Đức đang quản lý cho anh Cao Quốc Tuấn số tiền 110.000.000 đồng.

Biểu quyết 3/3

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị Anh Đức không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Sửa lại án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị Anh Đức phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về tranh chấp ly hôn, 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân chia tài sản và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004465 ngày 16/6/2021 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 31AA/2021/0000513 ngày 21/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình. Chị Đức còn phải nộp 5.500.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Biểu quyết 3/3

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3

Việc nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên **Hội đồng xét xử**	**Thẩm phán** **Chủ tọa phiên tòa**
Dương Viết Hải - Từ Thị Hải Dương	**Võ Bá Lưu**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THA huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Hải Dương